

Số: **426/2020/QĐST-HNGĐ**

M, ngày 28 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 461/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Anh **Lê Nhật D**, sinh năm 1994;

*HKTT:* ấp AT, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:* Chị **Võ Thị Kim N**, sinh năm 1995;

*HKTT:* ấp AT, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị Hồng L**, sinh năm 1975; *HKTT:* ấp AT, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
- Căn cứ các điều 27, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;  
- Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2020;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Nhật D và chị Võ Thị Kim N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Anh Lê Nhật D và chị Võ Thị Kim N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nhật H, sinh ngày XYZ. Sau khi ly hôn, anh Lê Nhật D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ghi nhận sự tự nguyện tạm thời của anh Lê Nhật D không yêu cầu chị Võ Thị Kim N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Võ Thị Kim N được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Lê Nhật D và chị Võ Thị Kim N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Lê Nhật D và chị Võ Thị Kim N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền hụi còn thiếu là 19.500.000 (mười chín triệu, năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Hồng L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lê Nhật D tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp biên lai thu tạm ứng án phí số: ABC ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Nhật D và chị Võ Thị Kim N tự nguyện liên đới chịu số tiền 487.500 (bốn trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng còn lại của số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: ABC ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Anh Lê Nhật D và chị Võ Thị Kim N có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền còn lại là 337.500 (ba trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mô Cày Nam (1b);
- CCTHADS huyện M (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre- Số Z/2014-Quyền số 02/2011 (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ, VP (4b).

**THẨM PHÁN**

(Đã ký, đóng dấu)

**Huỳnh Thị Thanh Như**